TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2023/DS-PT
Ngày 27-7-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán Ông Đặng Văn Những

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Võ Văn N, sinh năm 1945;

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 13/7/2022) (có mặt).

Ông Trần Thành N1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền ngày 26/7/2023) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Bá H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021của nguyên đơn ông Võ Văn N và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào trước năm 1970 (khoảng năm 1960) thửa đất 172 gia đình ông N sử dụng trồng rau màu, thuốc nam. Thửa đất 172 được xác định ranh bằng bờ con giữa 02 thửa đất 172 và thửa đất 165. Ông H1 là chủ sử dụng thửa đất 165, khi ông H1 sử dụng thửa đất 165 thì đổ cát tràn qua thửa đất 172 phần đất có chiều ngang là 01m, dài 10m, diện tích khoảng 10m^2.

Do thửa đất 172 ông N đang sử dụng nhưng ông H1 cũng cho rằng ông H1 đang sử dụng 67m^2 và yêu cầu được công nhận phần đất trên. Ông N khởi kiện là tranh chấp một phần thửa đất 172 đối với ông Nguyễn Bá H1 cụ thể yêu cầu ông H1 trả diện tích 67m^2 loại đất NTS. Hiện tại thửa đất 172 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N đề nghị Tòa án xác định ông được quyền tiếp tục sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 90m^2 thuộc thửa đất 172 và ghi nhận cho ông N được đến cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí và diện tích của thửa đất 172 được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 208 ngày 14/9/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ chi nhánh B1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 16/9/2022. Giá đất bên nguyên đơn thống nhất theo chứng thư thẩm định giá số 362 ngày 28/10/2022 của Công ty Cổ phần T1. Đất tại vị trí tranh chấp có giá là 5.164.000đồng/01m^2.

Căn cứ ông N yêu cầu xác định quyền sử đất thửa 172 thuộc về ông N, yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất 172, vì thửa đất 172 có nguồn gốc của cha ông N sử dụng rồi để lại. Khoảng năm 1960, ông Võ Văn C là cha của ông N sử dụng bằng hình thức đào ao, ông C có nuôi trâu nên cho trâu tắm, phần còn lại trồng cây thuốc nam. Từ năm 1984, ông Võ Văn N sử dụng cho đến khi tranh chấp với ông H1. Ông N sử dụng thửa đất 172 bằng hình thức nuôi vịt thả cá trong thửa đất, quá trình sử dụng của ông N ổn định liên tục có người xác nhận việc sử dụng đất của ông N. Ông H1 sử dụng thửa đất 165 lấn qua ranh thửa 172, ông H1 không sử dụng thửa 172.

Khi ông N tranh chấp đất với ông H1, cơ quan chuyên môn đi đo đất, đất giáp với đường 826C để cho mé đường không bị sạt lỡ, cơ quan làm đường có san lấp đất một phần, sau đó ông N tiếp tục san lắp nên hiện trạng thửa đất 172 không còn ao, cũng không còn là đất trũng. Hiện tại thửa 172 là đất trống không có trồng cây. Về giấy tờ có liên quan đến thửa đất 172 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bên ông Võ Văn N cũng không có giấy tờ gì mà cơ quan Nhà nước giao cho ông N quản lý, sử dụng thửa đất 172. Cũng không có nộp thuế đối thửa đất 172.

Bị đơn ông Nguyễn Bá H1 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất 172 do cha ông H1 tên Nguyễn Văn B, mẹ Lê Thị N2 sử dụng từ năm 1963 khi vào ấp chiến lược (ông B, bà N2 đã chết). Khi vô ấp chiến lược, ông B, bà N2 được cấp 500m^2 đất lúa để tự đắp gò ở gồm thửa 165 và thửa 172 nhưng phần đất thuộc thửa 172 là đất xéo không làm nhà ở được nên ông B, bà N2 để cấy lúa. Thời điểm năm 1963 cha mẹ ông H1 được cấp đất không có giấy tờ gì thể hiện, thời điểm đó cấp đất không có văn bản. Đến năm 1975, ông H1 sử dụng thửa 172 bằng hình thức lấy đất để đắp lên cái gò thuộc thửa đất 165 nên thửa đất 172 trở thành ao tù không có đường thoát nước. Người ở gần xóm đốn cây bỏ vào thửa đất 172. Khoảng năm 1978 do điều kiện kinh tế khó khăn cho nên ông H1 đi làm bốc vác ở xa rất lâu mới về một

lần. Ông H1 hỏi thăm nên biết ông N lấy đất ở thửa 172 để đắp chòi Trâu của ông N gần đó, ông N thả T lên xuống tắm làm sạt lở thửa đất 172, ông H1 không trực tiếp sử dụng thửa đất 172, một phần do người hàng xóm đốn cây bỏ vào thửa đất 172 ông H1 không còn sử dụng được nữa. Ông H1 đã từng làm trưởng ấp T, xã P 03 nhiệm kỳ và cũng ở tại thửa đất 165 giáp ranh với thửa đất 172.

Ông H1 không đồng ý ông N yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 172, việc ông N khai sử dụng thửa đất 172 ông H1 không công nhận, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P có phần không đúng. Ông H1 yêu cầu được sử dụng thửa đất 172 có tổng diện tích là 67m^2, tại các vị trí G, H, I thuộc một phần thửa đất 172 và ông H1 yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng một phần thửa đất 172 diện tích 67m^2.

Vị trí và diện tích thửa đất 172 được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 208 ngày 14/9/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 16/9/2022. Giá đất bên bị đơn thống nhất theo chứng thư thẩm định giá số 362 ngày 28/10/2022 của Công ty Cổ phần T1. Đất ở vị trí tranh chấp có giá là 5.164.000đồng/01m^2. Ông H1 sử dụng một phần thửa đất 172 cũng không có đóng thuế cho Nhà nước.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N yêu cầu Tòa án công nhận ông Võ Văn N được quyền sử dụng đất và đòi ông Nguyễn Bá H1 trả quyền sử dụng đất.

Ông Võ Văn N được quyền sử dụng thửa đất 172, diện tích 90m^2, loại đất NTS, thuộc tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Phần đất tứ cận như sau: Đông giáp đường 826C có các độ dài là 0,2m; 11,1m và 0,7m; Tây giáp thửa 164 dài 12,2m và 1,5m; Nam giáp thửa 171 dài 2,3 và 2,7m; Bắc giáp thửa 165 dài 7,8m.

Vị trí thửa đất 172 được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 208 ngày 14/9/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (chi nhánh 2) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 16/9/2022.

Ông Võ Văn N có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 172.

Buộc ông Nguyễn Bá H1 trả lại cho ông Võ Văn N phần đất diện tích 67m^2 tại các vị trí G diện tích 07m^2, vị trí H diện tích 59m^2 và vị trí I diện tích 01m^2 thuộc một phần thửa đất 172, loại đất NTS, tờ bản đồ số 2, đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Vị trí và diện tích phần đất theo Mảnh trích đo địa chính số 208 ngày 14/9/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (chi nhánh 2) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 16/9/2022.

Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Bá H1 phải trả cho ông Võ Văn N số tiền 17.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Bá H1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 27/4/2023 bị đơn ông Nguyễn Bá H1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận:

Ông Nguyễn Bá H1 là người kháng cáo trình bày: nguồn gốc thửa đất 172 là của gia đình được cấp 500m^2 trong đó có thửa 172 vào năm 1963, tuy nhiên khi được cấp đất thì không có giấy tờ gì, gia đình ông đã sử dụng thửa 172 bằng hình thức đào lấy đất thửa 172 đắp lên nền gò thửa 165 để cất nhà vì vậy thửa 172 trở thành ao tù không có đường thoát nước. Đến năm 1978 khi ông đi làm xa thì người dân địa phương chặt cây bỏ vào ao này nên gia đình ông không sử dụng được thửa đất 172 từ năm 1978 đến nay. Mặc dù ông đi làm xa, thỉnh thoảng có về nhà thì phát hiện ông N tự ý đào lấy đất tại thửa 172 để đắp lên nền chòi Trâu của ông N, và cho T xuống ao thửa 172 tắm nên bị sạt lỡ nhiều. Khi ông phát hiện ông N lấy đất đắp chồi trâu, ông có nói thì ông N không lấy đất nữa. Hiện nay thửa đất 172 đã được san lắp mặt, một phần do công trình làm đường san lắp, một phần do ông N tự ý san lắp. Về nguồn gốc đất là của gia đình ông được cấp vào năm 1963 nên ông không đồng ý việc ông N đăng ký kê khai và được cấp giấy đối với thửa đất 172.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày: thửa đất 172 là của ông bà của ông N để lại cho cha ông N là ông Võ Văn C sử dụng từ năm 1960 sau này để lại cho ông N tiếp tục sử dụng, ông H1 trình gia đình ông H1 được cấp đất và sử dụng từ năm 1963 đến năm 1978, tuy nhiên ông H1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông H1 khẳng định gia đình ông N có lấy đất tại thửa 172 để đắp nền chòi Trâu, thả Trâu tắm, nuôi cá. Ông H1 cũng trình bày từ năm 1978 đến nay gia đình ông H1 không sử dụng thửa 172, như vậy ông H1 không đủ điều kiện để xác lập quyền sử dụng thửa đất 172. Ông N đã sử dụng thửa 172 ổn định liên tục từ năm 1960 đến nay, một phần của thửa 172 gia đình ông N sử dụng trồng thuốc Nam, phần còn lại lấy đất đắp nền chồi T, thả Trâu tắm, nuôi cá, nuôi vịt việc sử dụng đất của ông N được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Đồng thời, ông N cũng cung cấp được bản tường của những người dân sống quanh khu đó đều xác nhận gia đình ông N là người sử dụng thửa đất 172 từ năm 1960 đến nay. Khi nhà nước mở rộng tỉnh lộ 826C thì công trình có san lắp một phần cái ao này để tránh sạt lỡ đất, sau đó ông N tiếp tục san nên có hiện trạng như ngày nay. Ông H1 không sử dụng đất nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của ông H1 đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về nguồn gốc của thửa đất 172, các bên đương sự thống nhất về nguồn gốc đất trước đây là đất ấp chiến lược nhưng đều cho rằng đất này đã được gia đình của mình quản lý, sử dụng ổn định và hiện cũng chưa bên nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét về quá trình quản lý và sử dụng đất, ông Võ Văn N xác định thửa đất 172 được cha ông N là ông Võ Minh C1 sử dụng từ khoảng năm 1960 bằng hình thức đào ao, ông C1 có nuôi trâu nên cho trâu tắm, phần còn lại trồng cây thuốc nam, đến khoảng năm 1984 ông Võ Văn N tiếp quản sử dụng thửa đất 172 để thả cá, nuôi vịt và quản lý, sử dụng đất từ đó cho đến khi tranh chấp với ông H1, lời trình bày này của ông N là phù hợp với lời khai của các nhân chứng là những người cùng xóm xác nhận ông N là người sử dụng thửa 172. Đồng thời, theo xác nhận của UBND xã P vào ngày 01/4/2021 xác nhận ông Võ Văn N là người trực tiếp sử dụng đất tại thửa 172. Phía bị đơn ông Nguyễn Bá H1 thừa nhận bên gia đình ông N có sử dụng một phần của thửa 172 diện tích 23m^2 nay là vị trí khu J theo mảnh trích đo, phần đất này ông xác định là thuộc quyền sử dụng đất của bên gia đình ông N nên ông không có tranh chấp nhưng riêng đối với phần đất tại các khu G, H, I có tổng diện tích 67m^2 là của gia đình ông đã sử dụng đất từ năm 1963, đến khoảng năm 1975 gia đình ông H1 có đào ao lấy đất để bồi đắp vào cái gò thuộc thửa đất 165 để cất nhà ở nên thửa đất 172 trở thành ao tù không có đường thoát nước. Sau đó, đến khoảng năm 1978 do điều kiện kinh tế khó khăn cho nên ông H1 đi bốc vác ở xa rất lâu mới về một lần nên ông H1 không còn sử dụng đất, ông H1 có hỏi thăm hàng xóm xung quanh nên biết ông N lấy đất ở thửa 172 để đắp chòi trâu của ông N gần đó, ông N thả trâu lên xuống tắm trong phần ao này của thửa đất 172. Như vậy, theo lời khai của ông H1 về quá trình sử dụng đất thì phía gia đình ông H1 đã không còn quản lý, sử dụng đối với thửa 172 từ khoảng thời gian năm 1978 cho đến nay. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 cũng thừa nhận sau khi Nhà nước xây dựng công trình Trung tu Hương lộ 12 đã bồi đắp một phần ao thì phần còn lại cũng được bên gia đình ông N đổ đất sang lấp bằng phẳng như hiện trạng thực tế hiện nay, khi đó ông H1 có biết nhưng cho rằng vì đất này chưa được cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông nên cũng không có ngăn cản hay tranh chấp gì đối với ông N. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ông N là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài đối với toàn bộ diện tích đất 90m^2 tại thửa đất 172.

Mặt khác, theo nội dung Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Lê Thị N2 (mẹ ông H1) để xây dựng công trình Trung tu Hương lộ 12 qua địa bàn xã P thì UBND huyện C có thu hồi một phần thửa 165 với diện tích 35,8m^2 để thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho Ban quản lý dự án công trình giao thông tỉnh L xây dựng công trình Trung tu Hương lộ 12; tại thời điểm này bà N2 là mẹ của ông H1 cũng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa 172 và khi Nhà nước xây dựng công trình Trung tu Hương lộ 12 thì cũng không có ra quyết định thu hồi hay bồi thường cho bên gia đình ông H1 đối với một phần thửa 172. Bên cạnh đó, khi ông H1 làm thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận đất vào năm 2017 đối với thửa 165 liền kề với thửa 172 thì cũng không có kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 172 nên không có cơ sở để xác định thửa đất 172 là của gia đình ông H1.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N là có căn cứ. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá H1 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá H1 đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do thửa đất 172 là của cha mẹ ông H1 là ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị N2 được cấp vào năm 1963 diện tích 500m^2, trong đó có thửa 172 và gia đình ông H1 sử dụng từ năm 1963 đến năm 1978 bằng hình thức đào lấy đất thửa 172 để bồi vào cái gò thuộc thửa đất 165. Lời trình bày này của ông H1 không được ông N thừa nhận, ông H1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cha mẹ ông H1 được cấp thửa đất 172. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, ông N đang quản lý và sử dụng các thửa đất 171, thửa 164. Thửa đất 164 và 171 đều có cạnh giáp với thửa 172; thửa 164 có cạnh giáp với thửa đất 165 mà bị đơn ông H1 đang đứng tên giấy chứng nhận và trên thửa 165 có nhà ở của ông H1. Ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 165 vào năm 2017 là do nhận thừa kế quyền sử dụng đất. Mặt khác, ngày 01/4/2010 khi Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi quyền sử dụng đất thửa 165 của bà Lê Thị N2 (mẹ ruột ông H1) để xây dựng công trình trùng tu Hương lộ A thì lúc đó bà N2 không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì đối với thửa đất 172 (bút lục 115, 116). Như vậy, có căn cứ xác định khi bà N2 mẹ ông H1 khi còn sống đã không sử dụng và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 172. Do đó, ông H1 cho rằng thửa đất 172 của cha mẹ ông H1 để lại cho ông H1 là không có căn cứ.

[3] Ông N cho rằng thửa đất 172 là của cha mẹ ông N sử dụng từ năm 1960 và để lại cho ông N sử dụng từ năm 1984 cho đến nay. Xét lời trình bày của ông N là phù hợp với xác nhận ngày 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã P. Nội dung xác nhận ngày 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã P: "*ông Võ Văn N, sinh năm 1945, hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An hiện quản lý sử dụng thửa đất 172, tờ bản đồ số 2, tỷ lệ 1/1000. Đất tại xã P là đúng*" (bút lục 61 mặt sau) và phù hợp với lời trình bày của ông H1. Ông H1 trình bày từ năm 1978 đến nay ông H1 không sử dụng thửa đất 172. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 trình bày khi trùng tu Hương lộ A thì công trình có san lắp mặt bằng thửa 172 để tránh sạt lỡ công trình, sau đó ông N tiếp tục san lắp mặt bằng thửa 172 mới có được hiện trạng như ngày nay. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất 172 do gia đình ông N sử dụng ổn định từ 1978 đến nay. Vì vậy, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ.

[4] Ông H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được những chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông H1 được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 37 39, 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 4, 5, 166, 100 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N yêu cầu Tòa án công nhận ông Võ Văn N được quyền sử dụng đất và đòi ông Nguyễn Bá H1 trả quyền sử dụng đất.

2. Ông Võ Văn N được quyền sử dụng thửa đất 172, diện tích đo đạc thực tế 90m^2, loại đất NTS, thuộc tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Buộc ông Nguyễn Bá H1 phải di dời/chặt bỏ các cây trồng trên đất để trả lại cho ông Võ Văn N phần đất diện tích 67m^2 tại các khu G có diện tích 07m^2, khu H diện tích 59m^2 và khu I diện tích 01m^2 thuộc một phần thửa đất 172, loại đất NTS, tờ bản đồ số 2, đất tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4. Vị trí, độ dài các cạnh của thửa đất, loại đất thửa đất, diện tích thửa đất 172 được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 208 ngày 14/9/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (chi nhánh 2) được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 16/9/2022.

5. Ông Võ Văn N có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 172 theo quy định của pháp luật.

6. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án theo quy định của pháp luật.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Bá H1 phải trả cho ông Võ Văn N số tiền 17.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí: Ông Nguyễn Bá H1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc